TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **1501**/2022/KDTM-ST
Ngày: 06/9/2022
V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Hương

2. Ông Nguyễn Đình Cương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10 tháng 8 và ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 217/2010/TLST-KDTM ngày 06/4/2010 về việc "Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2541/2022/QĐST-KDTM ngày 19/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 9733/2022/QĐST-KDTM ngày 02/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên K Việt Nam (tên cũ: Công ty cho thuê tài chính K Việt Nam)

Địa chỉ: Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Bảo K, sinh năm 1996

Địa chỉ liên hệ: Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Du lịch T

Địa chỉ: Phường X, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hà Trọng V, sinh năm 1979

Địa chỉ hộ khẩu: xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Trọng V, sinh năm 1979

Địa chỉ hộ khẩu: xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 08/02/2010, Đơn sửa đổi yêu cầu khởi kiện ngày 21/4/2022, các bản tự khai, biên bản hòa giải, đại diện nguyên đơn trình bày:

Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV K Việt Nam (Sau đây gọi là K) đã cho Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Du lịch T (Sau đây gọi là T) thuê tài chính theo các Hợp đồng thuê và Thông báo bắt đầu thuê dưới đây:

1. Hợp Đồng Thuê số K200383 ngày 20/08/2003 được điều chỉnh bởi Thông Báo Bắt Đầu Thuê ngày 13/10/2003 (sau đây gọi là "Hợp Đồng 83") bao gồm những điều khoản cơ bản như sau:

- Tài sản thuê: Một (01) xe Daewoo Lanos SX, một (01) xe Daewoo Nubira II SE và một (01) xe Isuzu Hi-Lander LS;

- Giá trị thuê: 61.264,29 USD (sáu mươi mốt ngàn hai trăm sáu mươi bốn phẩy hai mươi chín Đô la Mỹ);

- Thời hạn thuê và trả tiền thuê: 60 tháng theo Lịch Thanh Toán Tiền Thuê Biểu 2;

- Lãi: Thanh toán vào ngày 25 hàng tháng tính trên số dư nợ và số ngày thực tế trôi qua; lãi suất:

+ LIBOR (3 tháng) + 2,4% (hai phẩy bốn phần trăm)/năm đối với tài sản thuê là hai (02) xe Daewoo lanos SX và Daewoo Nubira II SE;

+ LIBOR (3 tháng) + 4,4% (bốn phẩy bốn phần trăm)/năm đối với tài sản thuê là một (01) xe Isuzu Hi-Lander LS;

- Giá trị còn lại của tài sản thuê: 0,5%/năm trên giá trị thuê được thanh toán thành hai (02) lần vào ngày làm việc cuối mỗi tháng 6, tháng 12 hoặc vào ngày kết thúc Thời hạn thuê;

- Biện pháp bảo đảm:

+ T ký quỹ bảo đảm bằng số tiền 86.265.260 VND (tám mươi sáu triệu hai trăm sáu mươi lăm ngàn hai trăm sáu mươi Đồng Việt Nam). K có thể sử dụng số tiền ký quỹ đảm bảo này để thanh toán cho bất kỳ khoản nợ đến hạn nào vào ngày đến hạn theo thứ tự thanh toán do K quyết định;

+ Bà Lê Ngọc C và ông Đào Công M thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu liên quan đến căn nhà tại địa chỉ Phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh cho K theo Hợp Đồng Bảo Lãnh Bằng Tài Sản Thế Chấp số K200394-GA ngày 19/09/2003 để bảo đảm cho nghĩa vụ của T theo Hợp Đồng 83 và Hợp Đồng Thuê số K200394 ngày 16/09/2003.

Thực hiện hợp đồng, K đã mua và chuyển giao tài sản thuê cho T.

2. Hợp Đồng Thuê số K200394 ngày 16/09/2003 được điều chỉnh bởi Thông Báo Bắt Đầu Thuê ngày 20/11/2003 (sau đây gọi là "Hợp Đồng 94") bao gồm

những điều khoản cơ bản như sau:

- Tài sản thuê: Sáu (06) xe Daewoo Lanos SX, một (01) xe Daewoo Nubira II SE, hai (02) xe Isuzu Hi-Lander LS (2003) và một (01) xe Ford Ranger XLT (2002);

- Giá trị thuê: 198.078,89 USD (một trăm chín mươi tám ngàn không trăm bảy mươi tám phẩy tám mươi chín Đô la Mỹ);

- Thời hạn thuê và trả tiền thuê: 60 tháng theo Lịch Thanh Toán Tiền Thuê Biểu 2;

- Lãi: Thanh toán vào ngày 25 hàng tháng tính trên số dư nợ và số ngày thực tế trôi qua;

- Lãi suất: 120% [LIBOR (3tháng) + 2,4% (hai phẩy bốn phần trăm)/năm];

- Giá trị còn lại của tài sản thuê: 0,5%/năm trên giá trị thuê được thanh toán thành hai (02) lần vào ngày làm việc cuối mỗi tháng 6, tháng 12 hoặc vào ngày kết thúc Thời hạn thuê;

- Biện pháp bảo đảm:

+ T ký quỹ bảo đảm bằng số tiền 263.277.720 VND (hai trăm sáu mươi ba triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm hai mươi Đồng Việt Nam). K có thể sử dụng số Tiền ký quỹ đảm bảo này để thanh toán cho bất kỳ khoản nợ đến hạn nào vào ngày đến hạn theo thứ tự thanh toán do K quyết định;

+ Bà Lê Ngọc C và ông Đào Công M thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu liên quan đến căn nhà tại địa chỉ Phường C, quận D, TP. Hồ Chí Minh cho K theo Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp số K200394-GA ngày 19/09/2003 để bảo đảm cho nghĩa vụ của T theo Hợp Đồng 83 và Hợp Đồng 94.

Thực hiện hợp đồng, K đã mua và chuyển giao tài sản thuê cho T.

3. Hợp Đồng Thuê số K2003117 ngày 10/11/2003 được tu chỉnh lần 01 ngày 3/12/2003 và được điều chỉnh bởi Thông báo bắt đầu thuê ngày 5/3/2004 (sau đây gọi là "Hợp Đồng 117") bao gồm những điều khoản cơ bản như sau:

- Tài sản thuê: sáu (06) xe Daewoo Lanos SX, một (01) Isuzu Hi-Lander X-Treme (2003) và hai (02) xe Ford Ranger XLT (2002);

- Giá trị thuê: 184.701,73 USD (một trăm tám mươi tư ngàn bảy trăm lẻ một phẩy bảy mươi ba Đô la Mỹ);

- Thời hạn thuê và trả tiền thuê: 60 tháng theo Lịch Thanh Toán Tiền Thuê Biểu 2;

- Lãi: Thanh toán vào ngày 25 hàng tháng tính trên số dư nợ và số ngày thực tế trôi qua;

- Lãi suất: LIBOR (3 tháng) + 2,4% (hai phẩy bốn phần trăm một năm)/năm;

- Giá trị còn lại của tài sản thuê: 0,5%/năm trên giá trị thuê được thanh toán thành hai (02) lần vào ngày làm việc cuối mỗi tháng 6, tháng 12 hoặc vào ngày kết

thúc Thời hạn thuê;

- Biện pháp bảo đảm:

+ T ký quỹ bảo đảm bằng số tiền 250.657.080 VND (hai trăm năm mươi triệu sáu trăm năm mươi bảy ngàn không trăm tám mươi Đồng Việt Nam). K có thể sử dụng số tiền ký quỹ đảm bảo này để thanh toán cho bất kỳ khoản nợ đến hạn nào vào ngày đến hạn theo thứ tự thanh toán do K quyết định;

+ Ông Nguyễn Đình H thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu liên quan đến căn nhà tại địa chỉ số Phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh cho K theo Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp số K2003117-GA-01 ngày 27/11/2003 để bảo đảm cho nghĩa vụ của T theo Hợp Đồng 117;

+ Ông Hà Trọng V thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu liên quan đến căn nhà tại địa chỉ số , Phường E, quận F, TP. Hồ Chí Minh cho K theo Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp số K2003117-GA-02 ngày 04/12/2003 để bảo đảm cho nghĩa vụ của T theo Hợp Đồng 117.

Thực hiện hợp đồng, K đã mua và chuyển giao tài sản thuê cho T.

4. Hợp Đồng Thuê số K2003159 ký ngày 22/12/2003 được tu chỉnh lần 01 ngày 20/1/2004, tu chỉnh lần 02 ngày 13/4/2004 và được điều chỉnh bởi Thông báo bắt đầu thuê ngày 19/4/2004 (sau đây gọi là "Hợp Đồng 159") bao gồm những điều khoản cơ bản như sau:

- Tài sản thuê: một (01) xe Daewoo Nubira II, một (01) Isuzu Hi-Lander X-Treme (2003), một (01) xe Mercedes-Benz C180K Elegant và một (01) xe Toyota Altis 1.8;

- Giá trị thuê: 136.454 USD (một trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm năm mươi bốn Đô la Mỹ);

- Thời hạn thuê và trả tiền thuê: 60 tháng theo lịch thanh toán tiền thuê Biểu 2;

- Lãi: thanh toán vào ngày 25 hàng tháng tính trên số dư nợ và số ngày thực tế trôi qua;

- Lãi suất: [LIBOR (3 tháng) + 2,4% (hai phẩy bốn phần trăm)] x 2/năm;

- Giá trị còn lại của tài sản thuê: 0,5%/năm trên giá trị thuê được thanh toán thành hai (02) lần vào ngày làm việc cuối mỗi tháng 6, tháng 12 hoặc vào ngày kết thúc thời hạn thuê;

- Biện pháp bảo đảm: T ký quỹ bảo đảm bằng số tiền 941.118.100 VND (chín trăm bốn mươi mốt triệu một trăm mười tám ngàn một trăm Đồng Việt Nam) tương đương với 50% (năm mươi phần trăm) của Giá trị thuê. Trong đó, 30% (ba mươi phần trăm) sẽ được tính lãi và trừ dần vào gốc trong suốt Thời hạn thuê. K có thể sử dụng số tiền ký quỹ đảm bảo này để thanh toán cho bất kỳ khoản nợ đến hạn nào vào ngày đến hạn theo thứ tự thanh toán do K quyết định.

Thực hiện hợp đồng, K đã mua và chuyển giao tài sản thuê cho T.

Tổng cộng cả bốn (04) Hợp Đồng Thuê, tổng giá trị thuê là 580.498,91 USD (năm trăm tám mươi ngàn bốn trăm chín mươi tám phẩy chín mươi mốt Đô la Mỹ) và tổng số tiền ký quỹ đảm bảo là 1.541.318.160 VND (một tỷ năm trăm bốn mươi mốt triệu ba trăm mười tám ngàn một trăm sáu mươi đồng Việt Nam).

Trong quá trình thực hiện các Hợp đồng thuê, T đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do vậy K VLC đã buộc phải sử dụng toàn bộ số tiền ký quỹ đảm bảo trên để thanh toán cho các khoản nợ đến hạn qui định tại Điều 11.4 của Hợp đồng thuê. Đồng thời K VLC cũng đã thu hồi và phát mãi một số tài sản thuê để thanh toán cho các khoản nợ còn tồn đọng theo Điều 23.2.g và 23.2. của các Hợp đồng thuê.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Tuyên bố chấm dứt đối với Hợp đồng thuê số K200383 ngày 20/08/2003, Hợp đồng thuê số K200394 ngày 16/09/2003, Hợp đồng thuê số K2003117 ngày 10/11/2003, Hợp đồng thuê số K2003159 ngày 22/12/2003.

2. Yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền nợ là USD 640.186,90* 23.450 tương đương ***15.012.382.805 VNĐ*** (tạm tính đến ngày 11/07/2022), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Yêu cầu Công ty T phải chịu khoản tiền lãi quá hạn đối với dư nợ vốn gốc, thuế giá trị gia tăng và lãi nêu trên kể từ ngày 11/07/2022 đến ngày thực tế thanh toán với mức lãi suất bằng 1,5 lần mức lãi suất nêu tại Điều 6 các Hợp đồng thuê giữa K VLC và T.

4. Trường hợp không thanh toán thì yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi phát mãi tài sản thế chấp là nhà và đất tại Phường E, quận F, TP. Hồ Chí Minh (nay đã đổi thành địa chỉ Phường I, quận F, TP. Hồ Chí Minh) của ông Hà Trọng V nhằm thanh toán số tiền nợ của Công ty T đối với K VLC.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn theo Điều 6 của Hợp đồng và đối với yêu cầu tuyên phát mãi tài sản thế chấp cụ thể:

- Một (01) xe Nubira SE II (biển số 51LD-7599) và quyền sử dụng đất và quyền sở hữu liên quan đến căn nhà tại địa chỉ số 405/13 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh để thanh toán cho các khoản nợ còn tồn đọng của T và lãi quá hạn theo Hợp Đồng 83;

- Một (01) xe Isuzu Hi-Lander (biển số 51LD-7630), một (01) xe Daewoo Lanos (biển số 51LD-7742) và quyền sử dụng đất và quyền sở hữu liên quan đến căn nhà tại địa chỉ Phường E, Quận F, TP. Hồ Chí Minh để thanh toán cho các khoản nợ còn tồn đọng của T và lãi quá hạn theo Hợp Đồng 94;

- Ba (03) xe Daewoon Lanos (biển số 51LD-7841; 51LD-8004, 51LD-8050), một (01) xe Isuzu Hi-Lander (biển số 51LD-7779) để thanh toán cho các khoản nợ còn tồn đọng của T và lãi quá hạn theo Hợp Đồng 117;

- Một (01) xe Nubira (biển số 51LD-8053), một (01) xe Toyota Altis (biển

số No. 51LD-8162) và một (01) xe Mercedes-Benz C180K Elegant (biển số 51LD-8140) để thanh toán cho các khoản nợ còn tồn đọng của T và lãi quá hạn theo Hợp Đồng 159."

Nguyên đơn xác định lại số tiền buộc bị đơn thanh toán như sau: Yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền nợ là USD là 505.599,21 USD (tạm tính đến ngày 24/8/2022), khi bản án có hiệu lực pháp luật, gồm:

Đơn vị tính: USD

	Hợp đồng thuê K200383	Hợp đồng thuê K200394	Hợp đồng thuê K2003117	Hợp đồng thuê K2003159	Tổng
Vốn gốc + Thuế GTGT	12.395,00	39.251,88	51.996,34	52.553,53	156,196.75
Lãi quá hạn	20.595,87	87,742,82	77.827,19	155.579,97	341,745.85
Giá trị còn lại	721,56	2.445,92	2.537,08	1.952,05	7,656.61
Tổng cộng	**33.712,43**	**129.440,62**	**132.360,61**	**210.085,55**	**505.599,21**

*Tương đương **11.901.805.403 VNĐ**, theo tỷ giá bán đồng USD của ngày 24/8/2022 tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam, 1 USD = 23.540 VNĐ*

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn xét xử chưa tuân thủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ đối với các yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn rút yêu cầu. Trong trường hợp Công ty T không trả được nợ thì phát mãi tài sản bảo đảm là nhà đất của ông Hà Trọng V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại

phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ theo đơn khởi kiện ngày 08/2/2010, nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV K Việt Nam yêu cầu bị đơn Công ty T thanh toán tiền nợ từ các hợp đồng cho thuê tài chính, do đó xác định tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về kinh doanh thương mại, cụ thể là tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính. Thời điểm thụ lý vụ án năm 2010, theo quy định tại điểm m Khoản 1 Điều 29, Điều 34, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, sửa đổi bổ sung năm 2011 thì vụ án thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn :

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện niêm yết, tống đạt và đăng trên cổng thông tin điện tử và đăng báo để thông báo cho ông Hà Trọng V là đại diện theo pháp luật của Công ty T đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án biết để lấy lời khai, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông Hà Trọng V vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại Điều 180, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn :

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền thuê xe còn nợ lại từ các Hợp đồng cho thuê tài chính số K200383 ngày 20/08/2003, Hợp đồng thuê số K200394 ngày 16/09/2003, Hợp đồng thuê số K2003117 ngày 10/11/2003, Hợp đồng thuê số K2003159 ngày 22/12/2003.

Căn cứ các hợp đồng trên, Hội đồng xét xử xét thấy, từ năm tháng 8, 9, 10, 11, 12 năm 2003 Công ty T đã ký với K các hợp đồng nêu trên để thuê của K tổng cộng 26 chiếc xe ô tô để sử dụng vào mục đích kinh doanh. Xét thấy việc giao kết hợp đồng giữa các bên là tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên hợp đồng có giá trị ràng buộc quyền và nghĩa vụ đối với các bên giao kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng do T đã vi phạm vào điều khoản thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng do đó K khởi kiện yêu cầu T hoàn trả cho K số tiền thuê xe còn nợ là tính từ thời điểm thuê xe là năm 2003 đến khi thu hồi được xe với tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh do chậm thanh toán với số tiền là 505.599,21 USD tương đương 11.901.805.403 đồng là đúng và phù hợp với các thỏa thuận trong hợp đồng và phù hợp với qui định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp trong trường hợp Công ty T không thanh toán nợ cho K.

Xét Hợp đồng bảo lãnh bằng tài sản thế chấp số K2003117-GA-02 ngày 04/12/2003 để bảo đảm cho nghĩa vụ của T theo Hợp đồng 117, Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng này thực hiện đúng theo qui định pháp luật về bảo lãnh và thế chấp, do đó hợp đồng phát sinh hiệu lực. Trong trường hợp Công ty T không thanh toán nợ cho K thì K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản là nhà

và đất mà ông Hà Trọng V đã ký bảo lãnh thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà liên quan đến căn nhà tại địa chỉ Phường E, Quận F TP. Hồ Chí Minh (nay đã đổi thành địa chỉ Phường I, quận F, TP. Hồ Chí Minh) để thu hồi nợ.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty T phải chịu án phí trên số tiền phải thanh toán cho K là 11.901.805.403 đồng, án phí phải chịu là 119.901.805 đồng.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 30; điểm c Khoản 1 Điều 37; điểm a Khoản 3 Điều 38; Khoản 4 Điều 264, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên K Việt Nam (tên cũ: Công ty cho thuê tài chính K Việt Nam).

1.1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên phát mãi tài sản thế chấp do nguyên đơn rút đơn khởi kiện gồm:

- Một (01) xe Nubira SE II (biển số 51LD-7599) và quyền sử dụng đất và quyền sở hữu liên quan đến căn nhà tại địa chỉ số 405/13 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh để thanh toán cho các khoản nợ còn tồn đọng của T và lãi quá hạn theo Hợp Đồng 83;

- Một (01) xe Isuzu Hi-Lander (biển số 51LD-7630), một (01) xe Daewoo Lanos (biển số 51LD-7742) và quyền sử dụng đất và quyền sở hữu liên quan đến căn nhà tại địa chỉ số Phường C, Quận D, TP. Hồ Chí Minh để thanh toán cho các khoản nợ còn tồn đọng của T và lãi quá hạn theo Hợp Đồng 94;

- Ba (03) xe Daewoon Lanos (biển số 51LD-7841; 51LD-8004, 51LD-8050), một (01) xe Isuzu Hi-Lander (biển số 51LD-7779) để thanh toán cho các khoản nợ còn tồn đọng của T và lãi quá hạn theo Hợp Đồng 117;

- Một (01) xe Nubira (biển số 51LD-8053), một (01) xe Toyota Altis (biển số No. 51LD-8162) và một (01) xe Mercedes-Benz C180K Elegant (biển số 51LD-8140) để thanh toán cho các khoản nợ còn tồn đọng của T và lãi quá hạn theo Hợp Đồng 159."

1.2. Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn đối với lãi trong hạn theo Điều 6 của Hợp đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

1.3. Tuyên bố chấm dứt Hợp đồng thuê số K200383 ngày 20/08/2003, Hợp

đồng thuê số K200394 ngày 16/09/2003, Hợp đồng thuê số K2003117 ngày 10/11/2003, Hợp đồng thuê số K2003159 ngày 22/12/2003.

1.4. Buộc Công ty Cổ phần TMDV Du Lịch T thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV K Việt Nam số tiền 505.599,21 USD tương đương 11.901.805.403 đồng) (giá USD = 23.540).

Kể từ ngày 25/8/2022 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi được tính trên số dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất theo từng thời kỳ thì lãi suất sẽ được tiếp tục điều chỉnh tại giai đoạn thi hành án.

1.6. Trường hợp Công ty Cổ phần du lịch T không thực hiện trả số nợ trên hoặc trả không đầy đủ thì Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên K Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 50, tờ bản đồ 08 Phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất căn nhà số Phường E, quận F, TP. Hồ Chí Minh (nay đã đổi thành địa chỉ Phường I, quận F, TP. Hồ Chí Minh), số hồ sơ gốc 2685/2003 ngày 03/4/2003 do UBND quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Trần Chí C và bà Nguyễn Thị Ngọc H, được cập nhật sang tên cho ông Hà Trọng V ngày 25/11/2003. (Theo Hợp đồng bảo lãnh số K2003117-GA-02 ngày 04/12/2003) để thu hồi số nợ 505.599,21 USD. Trường hợp số tiền phát mãi vượt hơn sẽ được hoàn trả cho ông Hà Trọng V. Các chi phí phát mãi tài sản đảm bảo do Công ty Cổ phần du lịch T chịu. Trường hợp Công ty Cổ phần du lịch T thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên K Việt Nam có trách nhiệm tiến hành làm thủ tục giải chấp (Xóa thế chấp) theo qui định của hợp đồng bảo lãnh và hoàn trả lại toàn bộ hồ sơ pháp lý của tài sản đảm bảo cho chủ tài sản.

2. Về chi phí tố tụng và án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí đăng báo nguyên đơn tự nguyện chịu.

2.2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn Công ty Cổ phần TM DV du lịch T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 119.901.805 (Một trăm mười chín triệu chín trăm lẻ một ngàn tám trăm lẻ năm đồng). Hoàn trả cho Công ty cho thuê tài chính Trách nhiệm hữu hạn một thành viên K Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.244.000 (Mười hai triệu hai trăm bốn mươi bốn ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 014172 ngày 10/3/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tuyết Trinh